TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS - ST
Ngày: 25/01/2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST – DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Ngân hàng N;

Địa chỉ: L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền*:* Bà Trần Thị Thúy H – Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L; địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền số 350/GUQ- NHNo.LP ngày 15/9/2021) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Chí S, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Cháu Lê Đăng K, sinh năm: 2006; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Đăng K: Ông Lê Chí S, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2020, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, ông Lê Chí S và Agribank – Chi nhánh huyện L – Phòng giao dịch Đ thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD, cho vay từng lần với số tiền vay là 300.00.000 đồng, lãi suất trong hạn 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, hạn trả ngày 30/9/2021. Mục đích vay vốn: Chi phí cải tạo vườn. Cho vay tài sản bảo đảm. Tính đến ngày 15/11/2020, ông Lê Chí S còn nợ Agribank – chi nhánh L – Phòng giao dịch Đ tổng số tiền 380.170.903 đồng, trong đó gốc là 280.000.000 đồng và lãi vay tạm tính đến ngày 15/11/2020 là 100.170.903 đồng (Một trăm triệu, một trăm bảy mươi ngàn, chín trăm lẻ ba đồng). Tài sản bảo đảm số tiền vay gồm:

Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 778267 do UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/11/2011, thửa đất số 1212, tờ bản đồ số 03; tọa lạc Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Với diện tích 3096m^2.

Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 791870 do UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/02/2012, thửa đất số 190, tờ bản đồ số 03; tọa lạc Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Với diện tích 7774m^2.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Chí S hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng N do Agribank – Chi nhánh huyện L đại diện nhận với tổng số tiền 411.109.236 đồng (Bốn trăm mười một triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 280.000.000 đồng, nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 131.109.236 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng)và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc.

Trường hợp không trả được nợ, yêu cầu xử lý và phát mãi tài sản thế chấp của ông Lê Chí S theo quy định của pháp luật để trả hết nợ gốc, lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc và trả mọi khoản chi phí Thi hành án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 bị đơn ông Lê Chí S trình bày: Ông thừa nhận có vay vốn của Ngân hàng với số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), lãi suất 9,5%/ tháng, thời hạn vay không nhớ rõ. Mục đích vay: cải tạo vườn. Khi vay có tài sản bảo đảm. Ông có dùng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thì ông đồng ý trả số vốn còn thiếu là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), lãi tạm tính đến ngày 15/11/2020 là 100.170.903 đồng (Một trăm triệu, một trăm bảy mươi ngàn, chín trăm lẻ ba đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi dứt nợ. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn, Ông S xin được trả dần số tiền trên, cụ thể tháng 10/2021 trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thêm ba tháng nữa sẽ trả 30.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ. Trong trường hợp không có khả năng thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ vốn lãi cho Ngân hàng, thì Ông S đồng ý phát mãi các tài sản đã thế chấp.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà có vay vốn của Ngân hàng, do Ông S đứng tên vay. Vay với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), mọi giao dịch đều do

Ông S ký đại diện. Bà có ký tên vào các hợp đồng thế chấp để thế chấp các tài sản nhằm bảo đảm cho các khoản vay. Kể từ khi vay, thì bà và Ông S cũng đã trả được một phần. Hiện nay còn nợ lại vốn là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), lãi tạm tính đến ngày 15/11/2020 là 100.170.903 đồng (Một trăm triệu, một trăm bảy mươi ngàn, chín trăm lẻ ba đồng). Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà thống nhất với lời trình bày của Ông S, xin được trả dần số tiền nợ cụ thể tháng 10/2021 sẽ trả trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thêm ba tháng nữa sẽ trả 30.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ. Trong trường hợp không có khả năng thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ vốn lãi cho Ngân hàng, thì Ông S đồng ý phát mãi các tài sản đã thế chấp.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 cháu Lê Đăng K trình bày: Đối với các phần tài sản mà ông Lê Chí S và bà Nguyễn Thị N thế chấp cho Ngân hàng N, để vay tiền, thì đây là tài sản riêng của Ông S và bà N. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thì cháu K thống nhất theo sự trình bày của Ông S và bà N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Chí S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 411.109.236 đồng (Bốn trăm mười một triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 131.109.236 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp Ông S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Chí S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và cháu Lê Đăng K đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Ông S, bà N, cháu K.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N yêu cầu ông Lê Chí S có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, do đó quan hệ pháp luật được xác định lại là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng N yêu cầu ông Lê Chí S có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi vay tạm tính đến xét xử là 131.109.236 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng có cung cấp các Bản sao hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD ngày 30/9/2016 và phiếu theo dõi phát tiền vay và kế hoạch trả nợ, thể hiện Ông S có vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Bị đơn Ông S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N cũng thừa nhận có vay của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), hiện nay còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì Ông S không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc Ông S không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, Ông S là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn Ông S hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD ngày 30/9/2016 thì Ngân hàng và Ông S đã giao kết mức lãi suất cho vay là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, nên Ông S phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Ông S phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số: 14/HĐTD ngày 30/9/2016 với số tiền lãi là 131.109.236 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng).

Như vậy, bị đơn ông Lê Chí S có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền vay gốc là 280.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 131.109.236 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng).

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn ông Lê Chí S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 58 ngày 18/4/2012:

+ Đối với thửa đất thửa đất số 1212, tờ bản đồ số 03; tọa lạc Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Với diện tích 3096m^2 (Trong đó đất ở 150m^2, đất trồng cây lâu năm 2946,0m^2), theo Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 778267 do UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/11/2011 cho ông

Lê Chí S. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Trên phần đất tranh chấp có căn nhà cấp 4, ngang 8m, dài 18m, kết cấu: Khung cột đúc, vách xây tường, nền lót gạch tàu, xi măng, mái lợp tol xi măng. Căn nhà hiện nay đang do ông Lê Chí S, bà Nguyễn Thị N, cháu Lê Đăng K đang quản lý, sử dụng.

+ Đối với thửa đất thửa đất số 190 tờ bản đồ số 03; tọa lạc Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Với diện tích 7774m^2 (Trong đó đất ở 300m^2, đất trồng cây lâu nam 7474,0m^2) theo Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 791870 do UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/02/2012 do UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Chí S và Nguyễn Thị N. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Trên phần đất tranh chấp có có 400 cây xoài loại A và 03 cái mộ. Phần đất hiện nay đang do ông Lê Chí S, bà Nguyễn Thị N, cháu Lê Đăng K đang quản lý, sử dụng. Đồng thời, ngày 09/7/2021 tại biên bản ghi lời khai cháu Lê Đăng K trình bày: Đối với các phần tài sản mà ông Lê Chí S và bà Nguyễn Thị N thế chấp cho Ngân hàng N, để vay tiền, thì đây là tài sản riêng của Ông S và bà N. Cháu K không có ý kiến gì.

Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định ông Lê Chí S, bà Nguyễn Thị N đã tự nguyện dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông S và bà N để thế chấp cho Ngân hàng, nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Ông S. Mặt khác về nội dung và hình thức của các hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ông S xin được trả dần số tiền vốn lãi còn thiếu cho Ngân hàng, nhưng Ngân hàng không đồng ý, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Lê Chí S phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng đã nộp xong nên Ông S có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Lê Chí S phải chịu 20.444.369 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, cháu Lê Đăng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc bị đơn ông Lê Chí S có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày ngày xét xử với số tiền vay gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi 131.109.236 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng) tổng cộng vốn và lãi là 411.109.236 đồng (Bốn trăm mười một triệu, một trăm lẻ chín ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng) và Ông S còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/01/2022 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Trường hợp bị đơn ông Lê Chí S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng N, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 58 ngày 18/4/2012 đối với thửa đất số 1212, tờ bản đồ số 03; tọa lạc Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 778267do UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/11/2011 cho ông Lê Chí S; thửa đất số 190 tờ bản đồ số 03; tọa lạc Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, với diện tích 7774m^2, theo Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 791870 do UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/02/2012 do UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Chí S và bà Nguyễn Thị N.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Lê Chí S phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn đã nộp xong nên Ông S có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Chí S phải chịu 20.444.369 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, ba trăm sáu mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 9.504.272 đồng (chín triệu, năm trăm lẻ bốn ngàn, hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008168 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, cháu Lê Đăng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày

được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà